

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/DS-ST

Ngày: 20 - 9 - 2023

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Công Quốc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Sơn

Ông Nguyễn Tuấn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Bích Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Thái Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2023/TLST- DS ngày 15 tháng 6 năm 2023 về *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2022/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S**; Trụ sở: số XX, đường N, phường Y, quận Z, thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D** – Chức vụ: Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Thành N** – Chuyên viên xử lý nợ - Chi nhánh Đà Nẵng (*Theo văn bản ủy quyền ngày 27/3/2023*). Có mặt.

* *Bị đơn:* Ông **Võ Đức K**, sinh năm 1994; Trú tại: Tổ xx, phường L, quận N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 3 năm 2023, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:* Ngày 16/8/2018, ông Võ Đức K ký với Ngân hàng Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (*Bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng*). Căn cứ vào thu nhập của ông K, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ với hạn mức

là 20.000.000đ, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp hạn mức tín dụng, ông K đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 227.015.000đ, mức lãi suất trong hạn là 2,5%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt đến nay ông K đã giao dịch tổng số tiền 244.884.000đ và thanh toán cho Ngân hàng số tiền 227.015.000đ sau đó vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Về thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Qua nhiều lần nhắc nhở nhưng ông K vẫn không có thiện chí trả nợ, ngày 22/9/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang nợ quá hạn. Tính đến ngày làm đơn khởi kiện - 27/3/2022 ông K còn nợ Ngân hàng tổng cộng 52.224.235đ. Trong đó nợ gốc là 23.380.330đ, nợ lãi trong hạn là 9.614.635đ, lãi quá hạn là 19.229.270đ.

Tính đến ngày xét xử (20/9/2023), ông K còn nợ Ngân hàng số tiền 64.959.322đ. Trong đó nợ gốc là 23.380.330đ, nợ lãi là 41.578.992đ và vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Nên đề nghị Tòa án buộc ông K phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ nói trên.

Về lãi suất, tại đơn khởi kiện Ngân hàng đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi theo hợp đồng cho đến khi ông Võ Đức K thanh toán xong khoản nợ. Tuy nhiên tại phiên tòa Ngân hàng thay đổi cách tính lãi, theo đó đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc nghĩa vụ của ông K phải trả số tiền nợ đến ngày xét xử sơ thẩm là 64.959.322đ. Khi nào án có hiệu lực Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án mà ông K không thanh toán thì lãi suất được thực hiện theo điều 468 Bộ luật dân sự.

* Căn cứ địa chỉ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng, ông K cung cấp thông tin cư trú tại tổ 23, phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng là phù hợp với thông tin ghi trên Sổ hộ khẩu số 925 do bà Huỳnh Thị Minh làm chủ hộ - ông Võ Đức K quan hệ với chủ hộ là “con”. Thông tin xác minh thể hiện tổ 23 (cũ) nay là tổ 03 (mới) phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng nhưng ông K không còn cư trú tại đây.

* Quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ (niêm yết) các văn bản tố tụng cho bị đơn Võ Đức K tại địa chỉ tổ xx (cũ) nay là tổ yy (mới), phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng nhưng bị đơn không có bất kỳ văn bản phản hồi nào và cũng không có mặt tại các phiên họp, hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay. Do đó ông K không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về vụ án như sau:*

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng về thẩm quyền, thực hiện việc cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các bên đương sự, đảm bảo để các bên đương sự được thực hiện các quyền của mình. Bị đơn Võ Đức K đã được thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không đến Tòa án, không có ý kiến phản hồi. Tại phiên

tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, do đó căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định.

Về nội dung: Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và ông Võ Đức K là đảm bảo về mặt chủ thể, thỏa mãn điều kiện có hiệu lực của hợp đồng nên ràng buộc các bên tham gia ký kết. Ông Võ Đức K đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463; 466 Bộ luật dân sự, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Võ Đức K phải thanh toán số tiền tính đến ngày 20/9/2023 là 64.959.322đ. Trong đó nợ gốc là 23.380.330đ, nợ lãi là 41.578.992đ. Về lãi suất tại phiên tòa đại diện nguyên đơn thay đổi yêu cầu tính lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là không vượt quá phạm vi khởi kiện và theo cách tính này thì mức lãi suất thấp hơn so với yêu cầu khởi kiện ban đầu. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, tuyên buộc bị đơn phải chịu lãi suất theo yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đây là vụ án tranh chấp phát sinh từ việc cấp hạn mức tín dụng thông qua hình thức thẻ tín dụng Ngân hàng giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và ông Võ Đức K, căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng thể hiện địa chỉ của bị đơn Võ Đức K là tổ xx (cũ) nay là tổ yy (mới), phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng nên Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng về thẩm quyền.

[1.2] Sau khi thụ lý, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn tại địa chỉ tổ 23 cũ nay là Tổ xx, phường L, quận N, thành phố Đà Nẵng nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi, không tham gia các phiên họp, hòa giải theo thông báo của Tòa án. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Căn cứ chứng cứ vụ án thể hiện vào ngày 16/8/2018 trên cơ sở Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S cấp cho ông Võ Đức K thẻ tín dụng với hạn mức 20.000.000đ. Tại phần cam kết của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng thể hiện *“Bằng việc ký vào mẫu đơn này, tôi/chúng tôi xác nhận rằng tôi/ chúng tôi đã đọc và đồng ý bị ràng buộc bởi Điều khoản và Điều kiện của thẻ tín dụng và cùng với mẫu đơn này tạo nên một Hợp đồng chi phối việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Sacombank có tính ràng buộc về mặt pháp lý giữa tôi/chúng tôi và Sacombank. Tôi/chúng tôi chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ và trách nhiệm phát sinh đến việc sử dụng thẻ tín dụng mà tôi/chúng tôi được cấp”*. Tại mục 25 của Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S quy định về cách tính lãi như sau: *“Đối với giao dịch mua hàng hóa, giao dịch thanh toán thẻ trực tuyến: Nếu chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền đến hạn vào hoặc trước ngày đến hạn theo TBGD, chủ thẻ phải thanh toán lãi cho Sacombank đối với tất cả các khoản nợ được thể hiện trong thông báo giao dịch hiện tại và đối với bất kỳ*

khoản nợ nào phát sinh sau đó trên thẻ cho đến khi toàn bộ các khoản nợ đến hạn ghi trong thông báo giao dịch mới nhất được thanh toán vào hoặc trước ngày đến hạn. Lãi được tính từ ngày chủ thẻ thực hiện giao dịch cho đến hết ngày việc thanh toán được thực hiện đầy đủ;... Đối với giao dịch rút tiền mặt và giao dịch tương đương rút tiền mặt: Lãi được tính từ ngày chủ thẻ thực hiện giao dịch cho đến hết ngày chủ thẻ thanh toán lại toàn bộ số tiền đã rút; Sacombank có quyền sửa đổi mức lãi suất trong từng thời kỳ theo quyết định của mình mà không cần thông báo cho chủ thẻ.”

Căn cứ vào quy định của Ngân hàng về ban hàng mức lãi suất, thu phí rút tiền mặt, phí dịch vụ thẻ. Trên cơ sở số tiền thực tế giao dịch, thời gian chậm thanh toán của ông Võ Đức K, Ngân hàng đã chứng minh được quá trình sử dụng thẻ, tính đến ngày xét xử 20/9/2023, ông K đã nợ số tiền tổng cộng là 64.959.322đ. Trong đó nợ gốc là 23.380.330đ, nợ lãi là 41.578.992đ và vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo cam kết.

Như vậy, “*Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng*” là một dạng Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa ông Võ Đức K và Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, các điều khoản thỏa thuận của Hợp đồng được dẫn chiếu theo quy định về Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và các thông báo về mức lãi suất, phí dịch vụ của Ngân hàng tương ứng từng giai đoạn. Ông Võ Đức K giao kết hợp đồng nhưng không tuân thủ quy định về nghĩa vụ của bên vay, không trả nợ đúng kỳ hạn là vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng. Do đó nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền đến ngày xét xử sơ thẩm là 64.959.322đ. Trong đó nợ gốc là 23.380.330đ, nợ lãi là 41.578.992đ là có căn cứ chấp nhận, buộc ông Võ Đức K phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng.

Đối với yêu cầu về lãi suất, so với yêu cầu khởi kiện ban đầu, tại phiên tòa đại diện Ngân hàng thay đổi cách tính lãi. Cụ thể: đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc nghĩa vụ của ông K phải trả số tiền nợ đến ngày xét xử sơ thẩm là 64.959.322đ. Khi nào án có hiệu lực Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án mà ông K không thanh toán thì lãi suất được thực hiện theo điều 468 Bộ luật dân sự. Xét yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi khởi kiện, phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận tuyên buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán.

[3] Về án phí, do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp trong vụ án.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 3; Khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với ông Võ Đức K.

Xử:

1. Buộc ông Võ Đức K phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ tổng cộng là 64.959.322đ (*Sáu mươi bốn triệu chín trăm năm mươi chín ngàn ba trăm hai mươi hai đồng*). Trong đó nợ gốc là 23.380.330đ (*Hai mươi ba triệu ba trăm tám mươi ngàn ba trăm ba mươi đồng*), nợ lãi là 41.578.992đ (*Bốn mươi một triệu năm trăm bảy mươi tám ngàn chín trăm chín mươi hai đồng*).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Ông Võ Đức K phải chịu 3.247.966đ (*Ba triệu hai trăm bốn mươi bảy ngàn chín trăm sáu mươi sáu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho và Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.305.000đ (*Một triệu ba trăm lẻ năm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009684 ngày 12/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Dương sự;
- Chi cục THA DS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đoàn Công Quốc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa